

Bản án số: 137 / 2018 / DS - ST
Ngày: 24 / 8 / 2018
“*V/v tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Văn Thi;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Uyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử công khai vụ án thụ lý số: 229 /2017/TLST - DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “*Đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 228 /2018/QĐXXST - DS ngày 04 tháng 6 năm 2018 và Quyết định tiếp tục phiên tòa số 364/2018/QĐST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị Bích P, sinh năm 1982

Địa chỉ: đường Nguyễn Trãi, ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Lê Hùng T – thành viên Công ty TNHH MTV Lâm Thanh, Đoàn Luật sư An Giang

Địa chỉ: Ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

3. *Bị đơn:* Bà Trình Thị D, sinh năm 1964

Ông Dương Văn H, sinh năm 1958

Địa chỉ: đường Thoại Ngọc Hầu, ấp An Hưng, thị trấn An Phú, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Các đương sự đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai kèm theo bà P trình bày: Bà và ông H là cha con ruột, bà D là mẹ kế. Khi còn nhỏ bà sống chung với bà nội là bà Mã Kim Anh cho đến năm 2000 thì đi Malaysia theo diện xuất khẩu lao động, năm 2005 do chủ đất nơi cha bà đang ở đậu là bà Út Sườn (bà Nguyễn Thị Th) đòi lấy đất lại, cha bà thương lượng mua lại phần đất hiện đang ở với giá 04 lượng vàng 24K nhưng do không có tiền nên bà có chuyển về cho ông H 02 lượng vàng, còn 02 lượng vàng bà không lo kịp nên ông H hỏi mượn người khác, sau đó bà về Việt Nam và cùng với ông H đi trả hết số vàng mượn. Khi ông H cất nhà vào năm 2015 thì bà gửi về 250.000.000 đồng để cất nhà với mục đích cha con cùng sống chung nhưng ông H sau khi cất nhà xong thì đuổi bà ra khỏi nhà. Nay yêu cầu ông H, bà D hoặc trả lại cho bà 04 lượng vàng 24K và 250.000.000 đồng tiền cất nhà hoặc dọn đi chỗ khác, trả lại nhà, đất cho bà vì đây là tiền, vàng của bà xuất ra mua đất và cất nhà.

Ngày 20/10/2017 ông H có đơn tường trình nội dung: Năm 2003 ông có đưa cho bà Nguyễn Thị Th (Út Sườn) 02 lượng vàng 24K, vàng là do bà P tình nguyện cho ông để trả cho bà Th, đến năm 2004 thì bà P không gửi vàng về nên ông vay mượn bạn bè 02 lượng vàng 24K để trả cho bà Th. Năm 2015 bà P gọi điện về tình nguyện cho ông số tiền để đứng tên xây dựng căn nhà mà ông đang ở. Đến ngày 18/8/2015 AL thì bà P đến nhà ông đập phá nhà, dùng lời lẽ thô tục chửi mắng ông, sự việc có nhiều người chứng kiến chứ không phải ông đuổi bà P ra khỏi nhà. Nay ông H không đồng ý trả lại cho bà P 04 lượng vàng 24K và 250.000.000 đồng vì đó bà P tình nguyện cho ông.

Bà Trình Thị D trình bày tại biên bản hòa giải ngày 31/10/2017 như sau: Bà không biết việc thương lượng mượn vàng, tiền vì đây là chuyện giữa ông H với bà P. Bà thừa nhận tiền do P gửi về ông H đưa bà quản lý, tuy nhiên khi cất nhà thì P đã lấy lại hết. Bà cho rằng 02 lượng vàng mà P gửi về lần đầu là P tự nguyện cho vợ chồng bà. Nay không đồng ý với yêu cầu của bà P.

Tòa án đã tiến hành hòa giải để các đương sự thỏa thuận với nhau về cách giải quyết vụ án, tại các phiên hòa giải ông H cho biết số tiền bà P gửi về chỉ có 184.000.000 đồng chứ không phải 250.000.000 đồng, vàng chỉ có 3,5 lượng vàng chứ không phải 04 lượng vàng như bà P khai; bà P thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu ông H, bà D trả 3,8 lượng vàng 24K và 214.000.000 đồng (gồm tiền bà gửi về là 184.000.000 đồng và tiền hỏi mượn bà Dương Thị Tuyết M để cất nhà là 30.000.000 đồng). Ông H trình bày việc cất nhà là do bà P khi còn ở Malaysia gọi điện về kêu ông tháo dỡ nhà cũ, cất lại nhà mới chứ không phải ý của ông, ông khẳng định tiền cất nhà là bà P tự nguyện cho chứ ông không có xin, vàng thì bà P cho ông để mua đất từ năm 2003. Nay nếu bà P đòi lại thì ông trả cho P 100.000.000 đồng nhưng không được bà P đồng ý.

Người làm chứng Trình Văn N, Nguyễn Thị Kim H1 trình bày: Có biết việc bà P gửi về 02 lượng vàng 24K cho ông H do nghe ông H nói lại. Khi bà P về Việt Nam có đi cùng ông H đến gặp ông bà để trả số vàng ông H mượn. Ông bà không nghe bà P nói là “tự nguyện” cho vàng tuy nhiên khi đến gặp ông bà thì P chỉ hỏi cha mình thiếu bao nhiêu, sau đó lấy tiền ra trả mà không nói tiền này khi nào P cần thì ông H phải trả lại nên theo ông bà thì đã thể hiện ý chí của P cho cha mình số vàng này còn việc P gửi tiền về cất nhà là nghe ông H nói lại.

Người làm chứng Dương Kim Ph trình bày: Bà có biết việc P gửi vàng, tiền về do ông H nói lại nhưng không biết số lượng cụ thể. Theo bà thì việc gửi vàng, tiền về là tự nguyện do nghe ông H nói lại và bà P cũng có nói với bà nhưng nói khi nào, tại đâu thì không nhớ.

Người làm chứng Dương Thị Thanh N1 trình bày: Việc P gửi vàng, tiền về cho ông H mua đất, cất nhà bà có biết nhưng là để sau khi về nước thì có nơi ở chứ không phải nhờ ông H đứng tên giữ và cũng không có việc tự nguyện cho vàng, tiền cho ông H.

Tại phiên tòa, các đương sự trình bày:

Bà P trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn phát sinh từ việc bà mua xe cho con ông H nhưng có nói là khi về nước phải sang tên cho bà, tuy nhiên ông H và con không thực hiện nên có mâu thuẫn. Ngoài ra theo bà thì từ nhỏ tình cảm cha con không có, bà đi làm còn phải đáp ứng những yêu cầu của con riêng ông H, bà D nên nảy sinh mâu thuẫn. Về số vàng đã gửi về mua đất cũng như trả nợ thay ông H, bà thống nhất là 3,6 lượng vàng 24K, loại vàng SJC. Về tiền cất nhà bà thống nhất tiền công thợ là 36 triệu đồng, tiền mua vật tư là 175.332.000 đồng như ông H khai. Mục đích bà gửi tiền và vàng về ban đầu là mua đất, cất nhà cho riêng bà để sau này về nước có chỗ ở riêng và đồng ý cho vợ chồng ông H sống chung do là cha con, bà không có nói là nhờ ông H đứng tên giữ. Việc ông H có giấy chứng nhận QSDĐ bà không biết nhưng không có ý kiến tranh chấp. Khi cất nhà là bà vẫn còn đang lao động ở Malaysia, đi về thường xuyên theo dõi, đôn đốc việc xây dựng. Nay chỉ yêu cầu ông H, bà D trả 3,6 lượng vàng 24K và 210.000.000 đồng. Hoặc nếu vợ chồng ông H đồng ý cho bà về ở chung thì bà không kiện nữa.

Ông H cho biết năm 2003 khi bà Th (Út Xường) và ông thỏa thuận xong mức giá chuyển nhượng nền nhà là 04 lượng vàng 24K thì ông có cho bà P hay. Bà P có gửi về 02 lượng vàng 24K để ông mua lại nền nhà của bà Th sau đó ông đi hỏi thêm bên ngoài để trả cho chủ đất, khi bà P về Việt Nam có đi cùng ông đến nhà ông M, ông T và một vài người khác trả số vàng mà ông hỏi mượn là 1,6 lượng vàng 24K. Ông cho biết bà P gửi về 03 lần với tổng số tiền là 184.000.000 (184 triệu) đồng, ông đưa bà D quản lý. Năm 2015 bà P có về Việt Nam nhiều lần để cất nhà cho riêng ông ở. Chi phí cất nhà và công thợ toàn bộ là do bà P chi ra, các lần đi mua vật liệu xây dựng và trả tiền là ông đi nhưng tiền là bà P đưa cho ông trả, tiền công thợ hàng ngày

là bà P đưa ông trả thay. Nay thống nhất với các chứng từ mua bán theo đó tiền mua vật tư là 175.332.000 đồng, tiền công thợ là 36.000.000 đồng. Ông không xác định được khoản tiền ngoài số tiền 184 triệu đồng là bà P lấy từ nguồn nào nhưng cho rằng trong số tiền 184 triệu đồng này bà P có lấy ra chi tiêu cá nhân, tuy nhiên không có chứng cứ chứng minh là bà P lấy trong số tiền này. Ông cho biết nhà và đất có được là nhờ tiền, vàng của bà P gửi về nhưng là của riêng vợ chồng ông, không phải bà P gửi vàng và tiền về để nhờ ông đứng tên mua đất giùm, cũng không phải mua đất, cất nhà để cha con cùng sống chung.

Về nguyên nhân mâu thuẫn theo ông ban đầu bà P sống với ông, đến khi được 05 tuổi thì về nhà mẹ đẻ (đã ly hôn) sống được vài năm rồi về sống với ông đến năm 09 tuổi thì theo bà nội là bà Mã Kim A đi Nam Vang, đến khoảng năm 2000 bà P đi xuất khẩu lao động ở Malaysia, khi về nước thì phát sinh mâu thuẫn, tự ý cắt hộ khẩu chuyên đi chứ ông không có xua đuổi. Nay không đồng ý trả vàng và tiền vì đây là bà P tự nguyện cho ông. Đối với yêu cầu của bà P muốn về sống chung ông không đồng ý.

Bà D trình bày: Bà có quản lý 184 triệu đồng bà P gửi về, có chi trả mua vật tư như ông H khai, việc bà P chi xài cá nhân là có nhưng không xác định được là tiền riêng hay lấy từ khoản tiền này do bà đã giao hết khoản tiền còn lại cho bà P khi bà P về Việt Nam cất nhà. Thống nhất với ý kiến ông H.

Tại phần tranh luận, các đương sự có ý kiến tranh luận như sau:

Luật sư bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bà P trình bày: Trước đây các bên thỏa thuận giá trị tài sản là 600 triệu đồng, mỗi bên 300 triệu đồng nhưng sau đó do ông H thay đổi ý kiến nên thỏa thuận không thành. Xét về lý thì phần tài sản này nếu không phải do bà P gửi vàng về cũng như xuất tiền ra cất nhà thì ông, bà không có chỗ ở hiện nay. Việc bà P gửi vàng, trả nợ thay, xuất tiền ra cất nhà, mua vật tư... được ông H thừa nhận nên có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Tòa xử buộc ông H, bà D trả cho bà P 3,6 lượng vàng 24K và 210.000.000 đồng là có căn cứ.

Ông H tranh luận: Đất đang ở không phải của bà P nhờ ông mua giùm, cũng không phải của bà Th chủ đất mà là đất của Nhà nước, nếu P không gửi vàng về thì cũng không ai được đuổi vợ chồng ông do Nhà nước đã có quyết định cho ở rồi. Về mức giá 600 triệu đồng thì không có ai thỏa thuận với ông mà là chị ông tên Dương Kim Ph nói với ông, hỏi có chịu hay không mà thôi. Căn nhà thì trước đây vợ chồng ông đang ở ổn định, là do P tự nguyện cất nhà mới cho ông chứ vợ chồng ông không có đòi hỏi.

Bà Phụng, bà D không tranh luận.

Ý kiến của Kiểm sát viên về việc kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình tố tụng:

Quá trình tố tụng không xảy ra vi phạm, HĐXX không thuộc trường hợp phải thay đổi hay bị thay đổi. Thủ tục thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa, ông H cũng thừa nhận việc bà P có gửi tiền và vàng về để mua đất, cất nhà. Các đương sự thống nhất số vàng là 3,6 lượng vàng 24K và tiền là 210.000.000 đồng. Xét thấy vàng, tiền đều do bà P đưa cho ông H nên việc bà P đòi lại là có căn cứ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà P có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện An Phú giải quyết buộc ông H, bà D trả lại 04 lượng vàng 24K và 250.000.000 đồng mà bà đã đưa cho vợ chồng ông H mua đất, cất nhà; các đương sự có nơi cư trú tại huyện An Phú. Căn cứ quy định tại Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về việc đòi lại tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

[1.2] Về việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông H, bà D trả lại 3,6 lượng vàng 24K loại vàng SJC và 210.000.000 đồng chứ không phải trả lại 04 lượng vàng 24K và 250.000.000 đồng như trong đơn khởi kiện ban đầu.

Xét thấy: Việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là sự tự nguyện của nguyên đơn và không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện:

Ông H có ở trên phần đất của bà Nguyễn Thị Th. Năm 2003, do bà Th đòi lấy đất lại nên ông H thương lượng chuyển nhượng lại phần đất đang ở với giá 04 lượng vàng 24K và bà Dương Thị Bích P là con ông H (khi đó đang ở Malaysia) có gửi về cho ông H 02 lượng vàng 24K để mua lại phần đất mà ông H đang ở. Năm 2004 do bà P không gửi vàng về nên ông H phải đi hỏi mượn của người quen để trả dứt số tiền mua đất, tuy nhiên sau đó bà P về Việt Nam đã đi cùng với ông H trả hết số vàng mà

ông mượn và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với phần đất trên vào ngày 05/12/2005. Năm 2015 bà P chuyển tiền về cho ông H 03 lần với tổng số tiền là 184 triệu đồng, sau đó bà về Việt Nam sinh sống và sử dụng số tiền đã gửi để cất lại căn nhà hiện đang do vợ chồng ông H quản lý, mục đích ban đầu là để cho bà sử dụng nhưng cha con cùng sống chung, do ông H không cho bà P ở chung nên dẫn đến tranh chấp. Ông H thừa nhận vàng là của bà P gửi về cho ông để mua đất và căn nhà mà vợ chồng ông đang ở do bà P xuất tiền ra xây dựng năm 2015, nhưng ông cho rằng đó là do bà P tình nguyện cho chứ ông không có xin, ông không đồng ý với yêu cầu của bà P.

[3] Đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được thì thấy:

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất số vàng bà P đã đưa cho ông H mua nền nhà của bà Nguyễn Thị Th là 3,6 lượng vàng 24K (gồm 02 lượng vàng gửi về năm 2003 và 1,6 lượng vàng bà P trả lại cho những người mà ông H hỏi mượn năm 2004). Về số tiền cất nhà, bà P và ông H đều thống nhất số tiền bà P chuyển về cho ông H là 184.000.000 đồng, tuy nhiên ông H cho biết khoản tiền này khi xây dựng nhà vào năm 2015 thì bà P toàn quyền sử dụng, việc mua vật liệu xây dựng cũng như chi phí nhân công đều do bà P trả tiền và ông không biết bà P đã chi ra bao nhiêu. Bà P cho biết ngoài tiền vật tư khoảng 180.000.000 đồng thì bà còn mượn thêm của bà Dương Thị Tuyết M 30.000.000 đồng và bù thêm tiền riêng của mình để chi trả công thợ. Căn cứ vào các hóa đơn, chứng từ do ông H cung cấp thể hiện chi phí mua vật liệu xây dựng là 175.332.000 đồng, riêng phần nhân công ông H cho biết là 36.000.000 đồng và được bà P thống nhất, tổng cộng 211.332.000 đồng nhưng tại phiên tòa bà P chỉ yêu cầu 210.000.000 đồng. Do vậy, căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, chấp nhận số vàng mà bà P xuất ra là 3,6 lượng vàng 24K và tiền là 210.000.000 đồng.

Việc bà P đưa vàng để mua đất cũng như xuất tiền ra xây cất nhà còn được xác nhận của những người làm chứng như bà Dương Thị Tuyết M, ông Quách Văn P1, bà Dương Kim Ph, ông Trình Văn N, bà Nguyễn Thị Kim H, bà Dương Thị Thanh N1 và chính lời khai của ông H tại buổi hòa giải ngày 11/8/2017 tại Ủy ban nhân dân thị trấn An Phú. Mặc dù ông H luôn khẳng định việc bà P gửi tiền, vàng về cho ông là tự nguyện, tuy nhiên việc khai nại này của ông H không được Hội đồng xét xử chấp nhận, bởi lẽ: Xét yếu tố nhân quả thì đất và căn nhà hiện do vợ chồng ông H quản lý, sử dụng được hình thành từ nguồn tiền và vàng mà bà P chuyển về. Theo lời trình bày của bà P và chính ông H thì từ nhỏ bà P sống với bà nội là bà Mã Kim A, thời điểm bà P gửi tiền và vàng về thì bà đang ở Malaysia. Nguyên nhân dẫn đến việc bà P gửi

vàng và tiền về là do bà Nguyễn Thị Th, chủ đất nơi ông H cất nhà sinh sống đòi lại, do vậy các bên thương lượng chuyển nhượng lại phần đất này và năm 2005 ông H đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Nếu bà P không vì mục đích muốn mua đất, cất nhà để sau khi về nước cha, con cùng sống chung thì bà không có nghĩa vụ gửi tiền, vàng về cũng như đứng ra giám sát, chi tiêu cho việc cất nhà. Do vậy, có căn cứ xác định căn nhà và đất hiện ông H, bà D quản lý, sử dụng là thuộc sở hữu chung hợp nhất của bà P và vợ chồng ông H theo quy định tại Điều 210 Bộ luật dân sự.

[3.2] Căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình thì phải thu thập, giao nộp, cung cấp chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó. Ông H ngoài lời khai của mình và giao nộp cho Tòa án các hóa đơn, chứng từ có liên quan đến việc sở hữu phần đất và chi phí xây nhà thì không cung cấp được chứng cứ nào khác chứng minh việc bà P tự nguyện cho ông số vàng và tiền này, đồng thời lời khai của ông cũng không được bà P thừa nhận. Đối với lời khai của những người làm chứng do ông H cung cấp, qua xác minh thì thể hiện việc bà P gửi tiền, vàng về cho ông H mua đất, cất nhà là có thật, tuy nhiên những người làm chứng này đều cho rằng do là quan hệ cha con nên nghiễm nhiên việc bà P gửi vàng, tiền là tự nguyện. Khái niệm “ tự nguyện” ở đây được những người làm chứng suy ra từ việc ông H và bà P là cha con nên bà P xuất tiền, vàng ra cho ông H mua đất, cất nhà là phù hợp. Tuy nhiên mục đích của bà P khi gửi vàng, tiền về theo bà là để cất nhà sau này cha con cùng sống chung chứ không phải tặng cho ông H và ông H cũng xác định bà P không có nói tặng cho ông số tiền, vàng này.

Từ những lập luận trên, không chấp nhận lời khai của ông H để cho rằng bà P tự nguyện cho ông vàng và tiền để mua đất, cất nhà. Căn cứ Điều 166 Bộ luật dân sự 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc ông H và bà D có nghĩa vụ trả lại vàng, tiền cho bà P.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 do yêu cầu của bà P được chấp nhận nên bà phải chịu án phí. Ông H, bà D phải chịu án phí đối với số tiền và vàng phải trả (Giá vàng được tính tại thời điểm xét xử là 3.655.000 đồng/chỉ).

[5] Chi phí tố tụng khác: Quá trình giải quyết vụ án, bà P đã nộp tạm ứng chi phí dùng vào việc định giá, xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất và nhà của ông H cũng như ký kết hợp đồng đo đạc hiện trạng tài sản. Căn cứ Điều 157, 158, 165 và 166 Bộ luật tố tụng dân sự bà P không phải chịu các khoản chi phí trên, buộc bà D ông H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà P các khoản chi phí nêu trên theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0003566 ngày 23/02/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh An Phú là 1.447.600 đồng và biên bản giao nhận tạm ứng chi phí dùng vào việc thẩm định, định giá ngày 20/11/2017 là 1.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 9 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm c Khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, 244, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 166, 668 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Bích P.

Buộc ông Dương Văn H và bà Trình Thị D có nghĩa vụ trả cho bà Dương Thị Bích P 3,6 lượng vàng 24K loại vàng SJC và 210.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành đầy đủ khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Án phí: Ông H, bà D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 17.079.000 đồng.

Bà P không phải chịu án phí, bà được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0010871 ngày 11 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú là 10.000.000 đồng.

Chi phí tố tụng khác: Buộc bà D ông H có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bà P các khoản chi phí dùng vào việc xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá, đo đạc theo hóa đơn giá trị gia tăng số 0003566 ngày 23/02/2018 của Văn phòng Đăng ký đất đai chi nhánh An Phú là 1.447.600 đồng và biên bản giao nhận tạm ứng chi phí dùng vào việc thẩm định, định giá ngày 20/11/2017 là 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.447.600 đồng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

****Nơi gửi:***

- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THA H. AP;
- Các đương sự;
- Lưu HS + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Quang Bảo